

Đơn vị báo cáo:...

Biểu số 152.1-TTGS

**BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGUỒN VỐN CỦA CÁC CÔNG TY CON,
CÔNG TY LIÊN KẾT TRONG NƯỚC CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

(Quý.....năm.....)

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Số ĐKKD / Mã số thuế	Mối quan hệ với tổ chức tín dụng báo cáo	Tổng cộng nguồn vốn	Vốn chủ sở hữu							Nợ phải trả																	
					Vốn chủ sở hữu	Trong đó						Tổng nợ phải trả	Trong đó																
						Vốn góp của chủ sở hữu	Quyền chọn đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn khác		Nợ phải trả ngắn hạn										Nợ phải trả dài hạn						
													Trong đó: Phải trả tổ chức tín dụng báo cáo	Vay và nợ ngắn hạn	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	Khác	Tổng nợ dài hạn	Trong đó: Phải trả tổ chức tín dụng báo cáo	Trong đó							
																						Vay và nợ dài hạn	Trái phiếu phát hành dài hạn	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	Khác			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)		
1	Công ty A																												
2																													
...																													
Tổng cộng																													

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng (trừ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Công ty cho thuê tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân).

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ thông tin

3. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Báo cáo lần lượt theo thứ tự từng công ty con, công ty liên kết trong nước của tổ chức tín dụng là Công ty chứng khoán. Trong đó, công ty liên kết, công ty con của tổ chức tín dụng là công ty đáp ứng theo quy định tại khoản 29, 30 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Cột (4): Ghi rõ mối quan hệ (Nếu là công ty con trong nước: ghi số 2; công ty liên kết trong nước: ghi số 4).

- Các chỉ tiêu báo cáo được tính như cách tính để lập báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết là Công ty chứng khoán theo quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Từ cột (5) đến cột (28): Thống kê số dư tại cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo. Trong đó:

+ Cột (5) = Cột (6) + Cột (13)

+ Cột (6) = Cột (7) + Cột (8) + Cột (9) + Cột (10) + Cột (11) + Cột (12).

+ Cột (9): Có giá trị âm (-).

+ Cột (13) = Cột (14) + Cột (22).

+ Cột (14) = Cột (16) + Cột (17) + Cột (18) + Cột (19) + Cột (20) + Cột (21).

+ Cột (15): Thống kê tổng số dư nợ phải trả ngắn hạn tương ứng mà công ty con, công ty liên kết trong nước là công ty chứng khoán phải trả tổ chức tín dụng báo cáo.

+ Cột (16) = Tổng các khoản mục sau theo cách tính tại mẫu biểu báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán: Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn, Vay tài sản tài chính ngắn hạn, Vay quỹ hỗ trợ thanh toán.

+ Cột (22) = Cột (24) + Cột (25) + Cột (26) + Cột (27) + Cột (28).

+ Cột (23): Thống kê tổng số dư nợ phải trả dài hạn tương ứng mà công ty con, công ty liên kết trong nước là công ty chứng khoán phải trả tổ chức tín dụng báo cáo.

+ Cột (24) = Tổng các khoản mục sau theo cách tính tại mẫu biểu báo cáo tài chính theo quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán: Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn, Vay tài sản tài chính dài hạn.